

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51/2015/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 17 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân công, phân cấp và phối hợp kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp; kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản; quản lý cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý Nhà nước về an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Tờ trình số 299/TTr-SNN ngày 26/10/2015) và đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp (tại Báo cáo số 141/BC-STP ngày 15/10/2015),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định việc phân công, phân cấp và phối hợp kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp; kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản; quản lý đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*sau đây gọi tắt là cơ sở*) trên địa bàn tỉnh Phú Yên cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (*sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện*).

2. Đối tượng áp dụng

Các Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y, Thủy sản, Kiểm lâm, Thủy lợi, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản; Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, thực phẩm nông lâm thủy sản, nước sinh hoạt nông thôn, sản xuất ban đầu nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Nguyên tắc và phân công, phân cấp trách nhiệm kiểm tra

1. Bảo đảm nguyên tắc một cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, thực phẩm nông lâm thủy sản, nước sinh hoạt nông thôn; một cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ chỉ chịu sự kiểm tra của một cơ quan quản lý chuyên ngành trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Các Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y, Thủy sản, Kiểm lâm, Thủy lợi, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản; Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện trách nhiệm kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, thực phẩm nông lâm thủy sản, nước sinh hoạt nông thôn, cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ theo danh mục quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm vật tư nông nghiệp thuộc thẩm quyền kiểm tra của 02 (hai) Chi cục trở lên, trong đó có sản phẩm vật tư nông nghiệp thuộc thẩm quyền kiểm tra của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thì Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức thực hiện việc kiểm tra.

4. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm vật tư nông nghiệp thuộc thẩm quyền kiểm tra của 02 (hai) Chi cục trở lên, trong đó có sản phẩm vật tư nông nghiệp thuộc thẩm quyền kiểm tra của Chi cục Chăn nuôi và Thú y thì Chi cục Chăn nuôi và Thú y chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức thực hiện việc kiểm tra.

5. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc thẩm quyền kiểm tra của 02 (hai) Chi cục trở lên thì Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức thực hiện việc kiểm tra.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện phân công trách nhiệm kiểm tra, quản lý các cơ sở theo phân công, phân cấp của Quyết định này cho các phòng, ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

7. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo UBND Tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp trong kiểm tra

1. Các Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động, chủ trì tổ chức thực hiện việc kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản theo phân công tại Quyết định này; các Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tham gia phối hợp công tác kiểm tra theo đề nghị của cơ quan chủ trì.

2. Trường hợp tiến hành kiểm tra liên cơ quan thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan nào thì cơ quan đó chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Hoạt động kiểm tra phải bảo đảm không chồng chéo giữa các các cơ quan trong Sở, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, bảo đảm hoạt động kiểm tra thống nhất từ tỉnh đến huyện. Trường hợp có sự trùng lặp kế hoạch kiểm tra thì thực hiện như sau:

a) Kế hoạch kiểm tra của cơ quan cấp dưới trùng với kế hoạch kiểm tra của cơ quan cấp trên thì thực hiện theo kế hoạch của cơ quan cấp trên.

b) Kế hoạch kiểm tra của cơ quan cùng cấp trùng nhau về địa bàn, cơ sở thì các bên trao đổi thống nhất thành lập đoàn liên cơ quan.

4. Thực hiện theo đúng nguyên tắc, nghiệp vụ, chuyên môn, chế độ bảo mật trong hoạt động kiểm tra theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan chủ trì việc kiểm tra phải thông báo bằng văn bản kết quả phối hợp kiểm tra cho cơ quan tham gia phối hợp.

6. Thực hiện việc chia sẻ thông tin giữa các Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện từ lập kế hoạch đến thực hiện kiểm tra và kết quả kiểm tra để biết và phối hợp.

7. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải được bàn bạc, giải quyết theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu nghiệp vụ của các cơ quan liên quan. Trường hợp không thống nhất được hướng giải quyết thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh đề xin ý kiến chỉ đạo giải quyết.

Điều 4. Chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm là các cơ quan kiểm tra quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quyết định này, theo nguyên tắc cơ quan nào kiểm tra thì cơ quan đó cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

2. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 5. Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm là các cơ quan nêu tại Khoản 1 Điều 4 Quyết định này, theo nguyên tắc cơ quan nào cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thì cơ quan đó cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm, quy trình xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm, quản lý Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Điều 6. Lập kế hoạch và dự toán kinh phí, thực hiện chế độ báo cáo

1. Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản là cơ quan đầu mối tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp Kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện; thực hiện báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân Tỉnh về công tác kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở; công tác cấp Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản và công tác quản lý cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Hàng năm, các cơ quan kiểm tra nêu tại Khoản 2 Điều 2 Quyết định này có trách nhiệm lập Kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện công tác quản lý, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh được phân công, phân cấp theo Quyết định này; báo cáo và đăng ký Kế hoạch - dự toán kinh phí gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo phân cấp. Thực hiện chế độ báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công tác quản lý, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh được phân công, phân cấp theo Quyết định này (qua Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản để tổng hợp) theo chế độ báo cáo hiện hành.

Điều 7. Các Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y, Thủy sản, Kiểm lâm, Thủy lợi, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản; Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ trách nhiệm được phân công tại Quyết định này để thực hiện việc kiểm tra hoặc phối hợp kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2015./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

Phụ lục 1:
PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP;
NƯỚC SINH HOẠT NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND ngày 17/11/2015
của UBND tỉnh Phú Yên)

| ST T | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ VÀ LOẠI HÌNH CƠ SỞ | CĂN CỨ |
|----------|---|---|
| I | Các Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT: Chịu trách nhiệm kiểm tra đối với các cơ sở có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND cấp tỉnh cấp (Giấy CN ĐKKD do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, Giấy CN Đầu tư do Ban Quản lý các khu kinh tế cấp), UBND cấp huyện cấp | |
| 1 | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | |
| 1.1 | Cơ sở sản xuất giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm bằng phương pháp vô tính. | Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.10 |
| 1.2 | Cơ sở kinh doanh giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm bằng phương pháp vô tính. | Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.11. |
| 1.3 | Cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác. | Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.12 |
| 1.4 | Cơ sở kinh doanh phân bón hữu cơ và phân bón khác. | Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.13. |
| 1.5 | Cơ sở sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật. | Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.14. |
| 1.6 | Cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. | Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.15. |

| | | |
|----------|---|---|
| 1.7 | Cơ sở sản xuất hạt giống cây trồng nông nghiệp. | Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.17. |
| 1.8 | Cơ sở kinh doanh hạt giống cây trồng nông nghiệp. | Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.18. |
| 2 | Chi cục Chăn nuôi và Thú y | |
| 2.1 | Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm. | Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.5. |
| 2.2 | Cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm. | Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.6. |
| 2.3 | Chủ trì kiểm tra các cơ sở sản xuất thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật dùng trong thú y, thú y thủy sản (Chi cục Thủy sản phối hợp trong lĩnh vực thủy sản). | Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.7. |
| 2.4 | Chủ trì kiểm tra các cơ sở kinh doanh thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật dùng trong thú y, thú y thủy sản (Chi cục Thủy sản phối hợp trong lĩnh vực thủy sản). | Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.8. |
| 3 | Chi cục Thủy sản | |
| 3.1 | Cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản. | Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.1. |
| 3.2 | Cơ sở sản xuất sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản. | Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.2. |
| 3.3 | Cơ sở kinh doanh thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản. | Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.3. |
| 3.4 | Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản. | Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.4. |
| 4 | Chi cục Kiểm lâm | |
| 4.1 | Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm | Thông tư 45/2014/TT- |

| | | |
|-----------|--|---|
| | nghiệp. | BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.9. |
| 5 | Chi cục Thủy lợi | |
| 5.1 | Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt nông thôn. | Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.16. |
| II | UBND cấp huyện chịu trách nhiệm kiểm tra | |
| 1 | Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt nông thôn không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư. | Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT - Phụ lục II - BB 1.16. |